

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 11 - 2018

"V/v tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Hằng

2. Ông Tạ Hữu Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quách Kiều T (L)**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp B, xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ A, Khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn R**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp B, xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Chị T có mặt, anh R vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án nguyên đơn chị Quách Kiều T trình bày yêu cầu như sau:

Chị Quách Kiều T và anh Nguyễn Văn R cưới nhau vào năm 1999, hôn nhân do cha mẹ đặt định, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Sau khi

cưới vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh R không lo làm ăn để lo kinh tế gia đình, khi chị đi làm thì điện thoại có lời lẽ xúc phạm chị, khiến cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, chị đã nhiều lần khuyên chồng lo làm ăn để chăm lo cho các con, hàn gắn tình cảm vợ chồng để chung sống với nhau nhưng đến nay vẫn không thể dung hòa được với nhau. Vì vậy, chị T đã sống ly thân với anh R từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị T xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh R được nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn R.

Về con chung: Chị T và anh R có 02 người con chung tên Nguyễn Thúy Q sinh ngày 28/4/2000 và Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 28/7/2009. Hiện nay Nguyễn Thúy Q đã trưởng thành, cháu Nguyễn Vĩ K đang sống chung với anh R. Khi ly hôn, chị T tự nguyện giao con Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 28/7/2009 cho anh R tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị T không cấp dưỡng nuôi con cùng anh R, còn Nguyễn Thúy Q sinh ngày 28/4/2000 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T yêu cầu được tới lui thăm con, anh R không được quyền ngăn cản. Trường hợp cháu Khải có nguyện vọng ở với chị, chị yêu cầu được nuôi cháu.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn R trình bày ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và thời gian vợ chồng ly thân là đúng như ý kiến của chị T trình bày nêu trên nên anh không trình bày gì thêm.

Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn là do vào năm 2015 chị T đi làm thuê ở Bình Dương, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Với yêu cầu của chị T, anh đồng ý ly hôn với chị Quách Kiều T;

Về quan hệ con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 28/7/2009, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh, còn con Nguyễn Thúy Q sinh ngày 28/4/2000 hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh nuôi dưỡng cháu Khải, chị T không được tới lui thăm nom con. Ngoài ra, anh R không yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của cháu Nguyễn Vĩ K: Hiện nay cháu Nguyễn Vĩ K đang học lớp 4A và ở với anh R, khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu Nguyễn Vĩ K có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Quách Kiều T.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Đơn khởi kiện; trích lục khai sinh tên Nguyễn Vĩ K, Nguyễn Thúy Q; trích lục kết hôn; chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình; tờ thể hiện nguyện vọng; biên bản xác minh ngày 20/9/2018.

Kết quả thu thập chứng cứ: Tại biên bản xác minh ngày 20/9/2018 làm việc với Ban lãnh đạo ấp 6 Biên đã xác định, chị Quách Kiều T và anh Nguyễn Văn R

chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống anh R không lo làm ăn mà ăn chơi dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc. Chị T và anh R có 02 người con chung tên Nguyễn Thúy Q sinh ngày 28/4/2000 hiện đã trưởng thành, còn cháu Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 28/7/2009 từ khi anh chị ly thân đến nay anh R trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại anh R không lo làm ăn mà ăn chơi dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn và hiện nay anh R chưa có việc là gì ổn định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Quách Kiều T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn R. Về con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 28/7/2009 theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con. Chị T xác định, chị hoàn toàn đủ điều kiện về kinh tế lo cho cháu Khải, vì thời gian qua từ khi chị đi làm thuê tại Bình Dương thì hàng tháng chị đều gửi tiền về lo cho cháu Khải đi học và chăm lo cho gia đình, mục đích chị đi làm thuê vì muốn có tiền lo cho các con chị đi học, trong khi anh R thì không cho các con đi học. Ngoài ra, chị T không yêu cầu gì thêm.

Anh Nguyễn Văn R vắng mặt tại phiên tòa không có ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không lý, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Quách Kiều T với anh Nguyễn Văn R, anh R cũng đồng ý ly hôn, căn cứ các Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận ý kiến thuận tình ly hôn giữa anh chị; về con chung, anh chị có 02 người con chung hiện nay cháu Nguyễn Thúy Q sinh ngày 28/4/2000 nay đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu giải quyết, còn cháu Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 28/7/2009 có nguyện vọng khi anh chị ly hôn được chung sống với chị Quách Kiều T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp nguyện vọng cháu Khải; về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chị T và anh R không có yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Quách Kiều T yêu cầu xin được ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn anh Nguyễn Văn R, anh R có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân, chị T và anh R chung sống với nhau vào năm 1999, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 21/6/2016, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, anh R và chị T thống nhất ly hôn với nhau do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng không thể tiếp tục chung sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thỏa thuận ly hôn giữa anh chị là tự nguyện, không trái đạo đức, hơn nữa giữa anh chị không ai quan tâm đến ai từ năm 2015 đến nay, như vậy cho thấy hôn nhân giữa anh R và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Quách Kiều T và anh Nguyễn Văn R theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh R có 02 đứa con chung Nguyễn Thúy Q sinh ngày 28/4/2000 hiện đã trưởng thành, còn con Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 28/7/2009 hiện nay anh R đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T và anh R đều yêu cầu được nuôi dưỡng con. Thấy rằng, yêu cầu của anh chị là chính đáng, xuất phát từ tình yêu thương của cha, mẹ dành cho con. Tuy nhiên, việc xem xét giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, mà anh chị đều có điều kiện để nuôi dưỡng con là như nhau, trong khi đó con của anh chị có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị T nếu giao con của anh cho anh R tiếp tục nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và nguyện vọng của con anh chị. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của chị T và nguyện vọng của con anh chị là cháu Nguyễn Vĩ K phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên giao cháu Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 28/7/2009 cho chị Quách Kiều T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh R tự xác định không có nên không đề cập xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do chị T là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Kiều T đối với anh Huỳnh Văn R.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa anh chị Quách Kiều T và anh Nguyễn Văn R.

2. Về con chung: Giao con chung của anh chị cháu Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 28/7/2009 cho chị Quách Kiều T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của Nguyễn Vĩ K.

Còn cháu Nguyễn Thúy Q sinh ngày 28/4/2000 hiện đã trưởng thành, chị T và anh R xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh R tự xác định không có nên không đề cập xem xét

4. Về án phí: Chị Quách Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng

đã nộp theo biên lai thu số 0005531 ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên. Chị Quách Kiều T nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã N T, huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Chon